

Bản án số: 01 /2018/DS-ST

Ngày: 19/01/2018

V/v: tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thanh Bảo

2. Ông Võ Anh Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2017/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2017 “V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2017/QĐXX-ST ngày 13/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tân N, sinh năm: 1990. Có mặt.

Địa chỉ: 46 Bùi Thị Xuân, tổ 12, phường P, thị xã A, Gia Lai.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 15, phường P, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Võ Thừa H, sinh năm: 1945 (Tổ trưởng tổ dân phố 15, phường P); Địa chỉ: Tổ 15, phường P, thị xã A, Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã A, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Tân N trình bày: Anh Nguyễn Tân N và anh Nguyễn Văn T là quan hệ bạn bè thân với nhau. Vào ngày 14/5/2016 (âm lịch là ngày 09/4/2016) anh Nguyễn Văn T cần tiền nên có mượn anh N số tiền 50.000.000đ, khi mượn tiền anh T có viết “Giấy mượn tiền” và ký xác nhận vào giấy đó ngày 14/5/2016. Vì thân quen nên anh N nói khi nào cần anh T sẽ trả số tiền đó cho anh N. Khoảng tháng 9 năm 2016 anh N yêu cầu anh T trả số tiền trên thì anh T hẹn nhưng sau đó không trả. Nay anh N yêu cầu anh T trả cho anh số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) gốc, anh N không yêu cầu tính lãi xuất. Ngoài ra anh N không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T, mặt dù đã được Tòa án Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng đều cố tình vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Người làm chứng: Ông Võ Thừa H, tổ trưởng tổ, dân phố 15, phường P, thị xã A, tỉnh Gia Lai, trình bày: Hiện nay anh Nguyễn Văn T đang cư trú tại dân phố 15, phường P, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Khi Tòa án thị xã A giao Thông báo thụ lý vụ án và các Văn bản tố tụng liên quan đến việc anh N khởi kiện anh T thì anh T tránh mặt, không nhận nên đã tiến hành niêm yết theo quy định pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn anh Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Tân N số tiền còn nợ là 50.000.000đ; đối với án phí: Buộc anh T phải chịu số tiền 2.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; xem xét ý kiến trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, người làm chứng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T, hiện cư trú tại: Tổ 15, phường P, thị xã A, tỉnh Gia Lai có vay tiền của anh Nguyễn Tân N, đến nay xảy ra tranh chấp anh N khởi kiện anh T tại Tòa án nhân dân thị xã A yêu cầu giải quyết buộc anh T trả số tiền đã vay của anh N. Theo quy định tại Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã A thụ lý giải quyết vụ án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù bị đơn anh T đã được Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần cũng như triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và không có bất kỳ văn bản, ý kiến hay tài liệu, chứng cứ nào phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì thế theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn anh Nguyễn Tân N, nộp cho Tòa án “Giấy mượn tiền” được ghi ngày 14/5/2016 âm lịch ngày ngày 09 tháng 4 năm 2016 và khẳng định anh Nguyễn Văn T đã vay số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), toàn bộ chữ viết và chữ ký trong “Giấy

mượn tiền” nói trên mà anh N cung cấp cho Tòa án là chữ viết và chữ ký của anh Nguyễn Văn T, tự viết và ký tên. Sau khi vay tiền anh T và anh N thỏa thuận anh T sẽ trả tiền nợ khi nào anh N yêu cầu, anh N đã nhiều lần đòi vào khoảng tháng 9/2016 nhưng anh T hẹn mà không trả. Đến nay, anh T vẫn chưa trả số tiền 50.000.000đ đã vay cho anh N. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cũng như các Văn bản tố tụng khác cho anh T về việc anh N khởi kiện yêu cầu trả số tiền đã nợ nêu trên nhưng anh T cố tình vắng mặt, không có ý kiến hay phản đối gì về yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T đối với anh T. Đối chiếu lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ khác đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định: Nguyễn Văn T có vay tiền của Nguyễn Văn N số tiền 50.000.000đ, đến nay chưa trả là có cơ sở. Các bên đương sự đã xác lập giao dịch dân sự và hoàn thành giao dịch trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực nên theo điều 688 Bộ luật dân sự 2015 thì trường hợp trên được áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết. Do vậy, anh T có trách nhiệm phải trả số tiền nợ nêu trên cho anh N là phù hợp theo quy định tại các Điều 471, Điều 474, Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[3]. Về khoản lãi: Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa, anh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Mức án phí có giá ngạch trong vụ án là 5% của giá trị tranh chấp. Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền được Tòa án chấp nhận là 50.000.000đ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471, Điều 474, Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn N.

- Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn T, phải trả cho anh Nguyễn Văn N, số tiền còn nợ là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 nếu các bên không thỏa thuận thì mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Anh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Nguyễn Tân N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.250.000đ (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số: 0001028 ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Gia Lai;
- VKSND. thị xã A;
- Chi cục THADS. TX. A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Án Văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trung Toàn

